

Số: 492 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 09/4/2022 đến 16h00 ngày 10/4/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 498,6 triệu ca, trên 6,2 triệu ca tử vong. Trong 24 giờ qua, Hàn Quốc tiếp tục là nước có số ca mắc mới cao nhất (trên 185.000 ca), cũng là quốc gia có số ca tử vong mới cao nhất thế giới với trên 330 ca.

Ấn Độ thông báo trường hợp thứ hai nhiễm biến thể XE, là biến thể kết hợp của hai dòng phụ BA.1 và BA.2 của biến thể Omicron.

Cơ quan quản lý y tế của Australia đã tạm thời phê duyệt tiêm mũi vaccine ngừa COVID-19 tăng cường cho thanh thiếu niên từ 12 đến 15 tuổi, khuyến cáo những người trong độ tuổi trên nên tiêm nhắc lại 6 tháng sau mũi vaccine thứ hai.

Ngày 9/4, Peru đã ban bố lệnh tình trạng khẩn cấp đối với ngành du lịch của nước này do chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19. Với lệnh này, Bộ Ngoại thương và Du lịch Peru có 15 ngày để xem xét và phê duyệt kế hoạch cứu trợ khẩn cấp đối với "ngành công nghiệp không khói", bao gồm các biện pháp cứu trợ tài chính và đầu tư xúc tiến du lịch.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 10/4/2022, cả nước ghi nhận 10.198.236 ca mắc, trong đó 10.192.062 ca trong nước. Đến nay đã có 8.532.523 người khỏi bệnh, 42.794 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 10.195.384 ca, trong đó có 10.190.492 ca trong nước, 8.529.706 người đã khỏi bệnh (83,7%), 42.759 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 28.307 ca dương tính, trong đó có 28.307 ca ghi nhận trong nước tại 62 tỉnh thành phố: Hà Nội (2.181), Bắc Giang (1.533), Nghệ An (1.525), Yên Bái (1.510), Lào Cai (1.219), Phú Thọ (1.203), Tuyên Quang (1.155), Quảng Ninh (1.086), Vĩnh Phúc (938), Thái Bình (918), Bắc Kạn (848), Quảng Bình (840), Hồ Chí Minh (770), Thái Nguyên (758), Lạng Sơn (721), Bắc Ninh (590), Đắk Lắk (548), Cao Bằng (515), Lâm Đồng (505), Hà Giang (460), Hải Dương (441), Sơn La (417), Hà Tĩnh (409), Gia Lai (399), Hà Nam (398), Quảng Trị (376), Vĩnh Long (348), Tây Ninh (346), Bình Định (340), Hưng Yên (338), Nam Định (316), Bình Phước (299), Ninh Bình (298), Lai Châu (288), Bến Tre (275), Quảng Nam (247), Hòa Bình (243), Điện Biên (242), Thanh Hóa (235), Bình Dương (218), Đà Nẵng (199), Cà Mau (198), Phú Yên (184), Đắk Nông (174), Quảng Ngãi (173), Thừa Thiên Huế (171), Bà Rịa - Vũng Tàu (138), Bình Thuận (108), Kiên Giang (94), Khánh Hòa (85), Hải Phòng (85), An

Giang (84), Trà Vinh (70), Bạc Liêu (63), Long An (59), Ninh Thuận (28), Đồng Nai (27), Kon Tum (25), Đồng Tháp (21), Cần Thơ (16), Hậu Giang (7), Tiền Giang (2).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Tuyên Quang (+196), Hồ Chí Minh (+134), Bình Thuận (+18).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Đắk Lắk (-662), Phú Thọ (-449), Bắc Giang (-423).

2. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 8.529.706 người đã khỏi bệnh (83,7%), tăng 34.991 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 1.622.919 trường hợp, trong đó có 1.403 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 978 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 188; (3) Thở máy không xâm lấn: 55; (4) Thở máy xâm lấn: 180 (5) Thở ECMO: 2.

- Trong ngày 09/4, ghi nhận 26 trường hợp tử vong (giảm 9 ca so với ngày trước đó), tại: Đắk Lắk (7 ca trong 2 ngày), Đồng Nai (4), Bạc Liêu (2), Kiên Giang (2), An Giang (1), Bắc Kạn (1), Bình Dương (1), Bình Phước (1), Cà Mau (1), Cao Bằng (1), Đồng Tháp (1), Hà Tĩnh (1), Hậu Giang (1), Lạng Sơn (1), Vĩnh Long (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

- Tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch, sự xuất hiện của các biến chủng mới; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về các biến chủng.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 09/4/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 44.742.116 mẫu cho 88.755.841 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 39.002.419 mẫu tương đương 85.007.902 lượt người, tăng 61.263 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 7.001.179 mẫu gộp cho 49.536.618 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Từ tháng 3/2021 đến ngày 10/4/2022, đã tiếp nhận 232,6 triệu liều vắc xin phòng COVID-19, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)=2+3+4+5
1	AstraZeneca	31.436.236	33.786.840	13.572.980	19.827.460	386.400	65.223.076
2	Pfizer	50.999.130	43.324.890	38.732.850	4.592.040	0	94.324.020
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000

I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	107.435.366	125.209.088	66.403.390	31.942.300	26.863.398	232.644.454
II	Số vắc xin đã phân bổ						205.230.544
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin còn lại chưa phân bổ						26.913.910

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 232,6 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 205,2 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 26,9 triệu liều chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin, ngoài ra một lượng lớn vắc xin Pfizer đang chờ được cung ứng nước muối sinh lý pha tiêm đi kèm.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 09/4/2022

Cả nước đã tiêm 208.525.313 liều (*trong ngày tiêm được 64.291 liều*), tỷ lệ sử dụng đạt 101,6% số vắc xin phân bổ 135 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng ²	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (≥ 18 tuổi)	100,0%	100%	51,2%
Trẻ em (12-17 tuổi)	99,9%	95,3%	-

Ghi chú: () Mũi nhắc lại*

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 191.293.502 liều:

+ Mũi 1: 71.384.131 liều

+ Mũi 2: 69.986.625 liều³; Mũi bổ sung: 15.008.830 liều.

+ Mũi 3: 34.913.916 liều

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.231.811 liều:

+ Mũi 1: 8.820.680 liều

+ Mũi 2: 8.411.131 liều.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Tại Việt Nam, dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Từ cuối tháng 12/2021, sau khi ghi nhận ca mắc đầu tiên biến thể Omicron, số mắc cả nước tăng cao nhất trong 03 tuần đầu của tháng 3 do biến thể Omicron đã chiếm chủ đạo về số mắc, sau đó giảm mạnh từ cuối tháng 3 đến nay, tương đồng với một số nước trong khu vực như Malaysia và Singapore chạm đỉnh dịch vào khoảng 8 đến 9 tuần sau khi ghi nhận biến thể Omicron xâm nhập và thời gian qua số ca mắc ghi nhận theo ngày của các nước này đã có xu hướng giảm dần.

² 26,9 triệu liều chưa phân bổ gồm: 8,8 triệu liều Pfizer mua; 2,2 triệu liều Pfizer cho Chính phủ Úc viện trợ; 0,1 triệu liều AstraZeneca do Chính phủ Singapore viện trợ; 0,2 triệu liều AstraZeneca do Chính phủ Hungary tài trợ; 14,7 triệu liều Pfizer và 0,5 triệu liều AstraZeneca do COVAX viện trợ, 0,3 triệu liều AstraZeneca do Thái Lan viện trợ.

³ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

Bao gồm 1.505.515 liều Abdala mũi 3. Vắc xin Abdala có lộ trình tiêm 3 liều cơ bản, mỗi liều cách nhau 14 ngày.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các địa phương:

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

- Đánh giá xu hướng tăng/giảm ca nặng, số ca nhập viện so với số ca mắc để đánh giá nguy cơ tình hình dịch, không để quá tải hệ thống y tế.

- Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay sau khi được cung ứng vắc xin.

- Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vi rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu.

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai báo ca bệnh tại cộng đồng, hỗ trợ triển khai các thủ tục, chính sách đối với người nhiễm bệnh và mua thuốc điều trị COVID-19.

2. Bộ Y tế: (1) Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay sau khi được cung ứng vắc xin. Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế về việc tiêm mũi tăng cường 4 và tiêm cho trẻ dưới 5 tuổi; (2) Tiếp tục cấp phép các loại thuốc điều trị phù hợp với các quy định, thông lệ quốc tế, hướng dẫn điều trị, sử dụng thuốc phù hợp; giảm thiểu các thủ tục hành chính, triển khai thống nhất trên toàn quốc để đảm bảo người dân được tiếp cận và thực hiện điều trị sớm; (3) Tăng cường hướng dẫn các biện pháp điều trị tại nhà, tại cơ sở y tế để không quá tải hệ thống y tế, nhất là tại tầng 3, tập trung quản lý người có nguy cơ cao và người lao động; (4) Điều chỉnh, cập nhật các quy định về thời gian cách ly F0, F1 theo hướng không cách ly y tế tại nhà đối với người tiếp xúc gần, trừ trường hợp nghi ngờ mắc bệnh; (5) Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

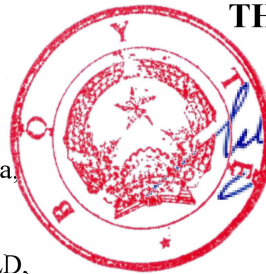
3. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách về an ninh, an toàn trật tự xã hội, an sinh xã hội, vận động, huy động nguồn lực, tài chính, công tác dân vận để Nhân dân yên tâm lao động sản xuất, kinh doanh, ổn định cuộc sống; tạo điều kiện thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch và phục hồi phát triển kinh tế xã hội.

4. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình phòng, chống dịch COVID-19; tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, nhất là nhóm 5-11 tuổi, vận dụng linh hoạt, hiệu quả trong phạm vi, điều kiện cụ thể. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà, không áp dụng theo các

hướng dẫn từ các nguồn thông tin không tin cậy, chưa được kiểm chứng. Tăng cường truyền thông về tiêm chủng và vận động đưa trẻ từ 5-11 tuổi tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 an toàn.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 09/4	Số mắc ngày 10/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 10/4	Số tử vong tích lũy đến 09/4
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		34.138	28.307	(5.831)	10.190.290	42.759
1	Hà Nội	2.202	2.181	(21)	1.522.262	1.219
2	Hồ Chí Minh	636	770	134	601.886	20.475
3	Nghệ An	1.656	1.525	(131)	415.171	143
4	Bình Dương	489	218	(271)	381.599	3.457
5	Bắc Giang	1.956	1.533	(423)	374.531	91
6	Vĩnh Phúc	954	938	(16)	354.567	19
7	Hải Dương	820	441	(379)	353.334	112
8	Bắc Ninh	720	590	(130)	334.338	132
9	Quảng Ninh	1.097	1.086	(11)	323.514	138
10	Phú Thọ	1.652	1.203	(449)	300.006	89
11	Nam Định	410	316	(94)	290.219	148
12	Thái Bình	931	918	(13)	258.567	23
13	Hưng Yên	538	338	(200)	234.665	5
14	Hòa Bình	383	243	(140)	200.698	104
15	Thái Nguyên	793	758	(35)	176.243	109
16	Lào Cai	1.544	1.219	(325)	170.467	37
17	Đắk Lắk	1.210	548	(662)	160.494	176
18	Lạng Sơn	990	721	(269)	151.592	84
19	Cà Mau	278	198	(80)	148.094	352
20	Tuyên Quang	959	1.155	196	145.818	14
21	Sơn La	520	417	(103)	145.765	-
22	Yên Bái	1.608	1.510	(98)	136.703	12
23	Bình Định	430	340	(90)	136.360	278
24	Thanh Hóa	226	235	9	136.135	104
25	Tây Ninh	332	346	14	134.702	867
26	Quảng Bình	1.037	840	(197)	119.419	74
27	Hải Phòng	132	85	(47)	118.382	135
28	Hà Giang	589	460	(129)	117.653	79
29	Khánh Hòa	119	85	(34)	116.953	349
30	Bình Phước	356	299	(57)	115.339	217
31	Đồng Nai	21	27	6	106.493	1.843
32	BRVT	197	138	(59)	103.706	483
33	Đà Nẵng	281	199	(82)	98.703	326
34	Vĩnh Long	450	348	(102)	97.917	809
35	Ninh Bình	359	298	(61)	96.155	89
36	Bến Tre	283	275	(8)	94.794	465
37	Cao Bằng	708	515	(193)	89.591	53
38	Lâm Đồng	601	505	(96)	86.923	131
39	Điện Biên	309	242	(67)	85.028	19
40	Hà Nam	456	398	(58)	80.558	60

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 09/4	Số mắc ngày 10/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 10/4	Số tử vong tích lũy đến 09/4
41	Quảng Trị	408	376	(32)	77.637	36
42	Lai Châu	454	288	(166)	70.270	-
43	Bắc Kạn	1.118	848	(270)	65.665	24
44	Trà Vinh	87	70	(17)	65.125	289
45	Gia Lai	395	399	4	62.563	109
46	Đắc Nông	348	174	(174)	51.837	46
47	Bình Thuận	90	108	18	51.470	467
48	Phú Yên	236	184	(52)	51.309	130
49	Đồng Tháp	15	21	6	50.203	986
50	Cần Thơ	22	16	(6)	49.293	933
51	Long An	94	59	(35)	48.209	990
52	Quảng Nam	251	247	(4)	46.171	134
53	Bạc Liêu	67	63	(4)	45.979	464
54	Hà Tĩnh	445	409	(36)	45.756	47
55	Quảng Ngãi	322	173	(149)	45.574	122
56	T.T.Huế	251	171	(80)	45.222	172
57	An Giang	88	84	(4)	40.700	1.372
58	Kiên Giang	116	94	(22)	39.311	996
59	Tiền Giang	3	2	(1)	36.177	1.220
60	Sóc Trăng	23		(23)	34.405	619
61	Kon Tum	27	25	(2)	26.017	-
62	Hậu Giang	10	7	(3)	17.436	226
63	Ninh Thuận	36	28	(8)	8.617	57
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVND TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	34.138	28.307	(5.831)	10.190.492	42.759

PHỤ LỤC 3
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 09/4/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 135 đợt
1	Hà Nội	17.746.562	6.233.028	6.009.238	0	217.293	4.361.133	702.270	679.170	18.202.132	102,6%
2	Hải Phòng	4.421.396	1.699.340	1.627.234	0	578.510	448.418	173.649	174.568	4.701.719	106,3%
3	Thái Bình	3.160.320	1.161.975	1.199.168	98.645	296.471	476.060	154.067	147.025	3.533.411	111,8%
4	Nam Định	3.219.500	1.149.950	1.133.025	0	57.360	909.305	158.975	156.350	3.564.965	110,7%
5	Hà Nam	1.823.260	584.761	576.216	0	277.206	300.166	71.440	69.249	1.879.038	103,1%
6	Ninh Bình	1.741.280	675.426	668.271	0	235.215	315.978	82.255	79.446	2.056.591	118,1%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	430.326	1.748.660	283.977	281.834	7.385.430	95,5%
8	Bắc Giang	3.702.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.087.069	149.985	149.460	4.140.061	111,8%
9	Bắc Ninh	3.119.990	1.137.713	1.095.899	0	360.516	536.268	116.664	110.936	3.357.996	107,6%
10	Phú Thọ	2.512.660	1.003.167	1.000.799	0	287.369	414.578	130.499	126.587	2.962.999	117,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
11	Vĩnh Phúc	2.302.560	795.389	774.326	0	242.994	402.159	117.004	113.134	2.445.006	106,2%
12	Hải Dương	3.347.176	1.336.379	1.292.089	6.607	101.848	667.632	157.247	155.092	3.716.894	111,0%
13	Hưng Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	307.914	358.790	110.591	110.075	2.508.999	102,1%
14	Thái Nguyên	2.452.650	916.321	888.549	12.792	208.973	363.211	111.273	108.257	2.609.376	106,4%
15	Bắc Cạn	610.140	220.649	218.623	0	14.006	120.554	25.623	24.777	624.232	102,3%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.013.444	987.870	0	21.625	900.410	124.328	120.979	3.168.656	96,6%
17	Hoà Bình	1.655.130	558.835	532.045	758	238.508	193.525	76.963	72.961	1.673.595	101,1%
18	Nghệ An	5.647.240	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	110,5%
19	Hà Tĩnh	2.270.650	804.869	740.576	0	271.975	187.855	114.027	112.309	2.231.611	98,3%
20	Lai Châu	785.810	257.166	247.118	529	108.388	101.203	54.437	48.730	817.571	104,0%
21	Lạng Sơn	1.741.530	511.890	503.503	0	0	432.847	66.528	62.859	1.577.627	90,6%
22	Tuyên	1.425.200	493.748	491.893	0	35.763	346.673	70.237	67.026	1.505.340	105,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
	Quang										
23	Hà Giang	1.732.720	491.690	479.946	529	209.866	234.043	89.376	86.818	1.592.268	91,9%
24	Cao Bằng	1.005.520	350.870	332.800	0	73.413	127.654	45.548	41.433	971.718	96,6%
25	Yên Bái	1.640.754	518.497	509.310	0	265.402	215.088	80.195	76.190	1.664.682	101,5%
26	Lào Cai	1.539.820	467.678	457.660	0	257.368	158.083	81.663	76.631	1.499.083	97,4%
27	Sơn La	1.879.940	739.929	708.112	2.362	0	392.439	143.824	132.444	2.119.110	112,7%
28	Điện Biên	1.142.760	337.457	320.684	0	232.382	92.862	76.484	63.854	1.123.723	98,3%
Cộng miền Bắc		86.101.396	29.799.186	29.025.336	911.505	6.061.212	16.511.291	3.850.267	3.716.146	89.874.943	104,4%
29	Quảng Binh	1.562.332	539.709	525.846	0	176.857	220.543	81.411	76.355	1.620.721	103,7%
30	Quảng Trị	1.306.372	433.546	418.058	10.622	65.595	235.112	64.995	60.335	1.288.263	98,6%
31	TT- Huế	2.428.386	787.587	768.280	0	280.827	356.216	104.595	98.695	2.396.200	98,7%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	865.214	856.510	0	82.226	658.412	102.158	99.989	2.664.509	106,8%
33	Quảng	3.189.860	1.085.285	1.054.051	32.417	418.108	355.464	132.605	130.337	3.208.267	100,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
	Nam										
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.824	812.822	0	125.013	526.255	114.198	112.187	2.543.299	92,3%
35	Bình Định	2.974.270	1.054.206	1.020.520	53.947	363.734	401.775	141.492	139.505	3.175.179	106,8%
36	Phú Yên	1.732.454	627.109	600.248	508	79.139	292.690	86.868	81.801	1.768.363	102,1%
37	Khánh Hòa	2.757.854	979.700	952.919	0	395.584	353.763	122.282	114.960	2.919.208	105,9%
38	Ninh Thuận	1.233.610	432.574	404.279	0	155.805	178.495	61.872	59.219	1.292.244	104,8%
39	Bình Thuận	2.720.780	915.809	889.180	7.207	280.673	211.107	132.735	130.653	2.567.364	94,4%
Cộng miền Trung		25.156.914	8.573.563	8.302.713	104.701	2.423.561	3.789.832	1.145.211	1.104.036	25.443.617	101,1%
40	Kon Tum	976.100	321.450	321.498	10.696	94.870	114.555	59.056	55.770	977.895	100,2%
41	Gia Lai	2.739.482	996.091	921.737	80.425	216.022	303.414	169.414	151.362	2.838.465	103,6%
42	Đắk Lắk	3.380.970	1.261.028	1.203.577	0	519.863	279.316	182.529	168.994	3.615.307	106,9%
43	Đắk Nông	1.238.580	403.319	399.800	0	212.786	142.026	68.070	65.742	1.291.743	104,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
	Cộng Tây Nguyên	8.335.132	2.981.888	2.846.612	91.121	1.043.541	839.311	479.069	441.868	8.723.410	104,7%
44	TP. HCM	20.329.820	7.396.609	6.686.916	9	682.238	4.256.566	729.575	686.101	20.438.014	100,5%
45	BR-VT	2.756.626	971.107	912.285	0	28.675	656.900	110.539	109.284	2.788.790	101,2%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.839.524	2.744.433	0	178.304	691.808	284.677	274.559	7.013.305	105,2%
47	Tiền Giang	3.821.466	1.325.413	1.280.094	131.230	105.670	827.298	156.914	158.132	3.984.751	104,3%
48	Long An	4.337.696	1.501.563	1.465.291	0	22.883	1.145.895	172.258	157.551	4.465.441	102,9%
49	Lâm Đồng	3.006.030	983.340	967.878	0	527.992	256.554	140.220	121.295	2.997.279	99,7%
50	Tây Ninh	2.606.794	948.905	896.212	0	32.471	507.711	109.066	100.641	2.595.006	99,5%
51	Cần Thơ	2.766.418	944.863	927.066	6.009	343.752	313.543	110.507	103.284	2.749.024	99,4%
52	Sóc Trăng	2.583.664	899.036	865.520	0	670.511	48.563	116.852	111.026	2.711.508	104,9%
53	An Giang	4.085.900	1.374.182	1.357.230	191.841	472.565	413.311	206.909	192.281	4.208.319	103,0%
54	Bến Tre	3.005.278	1.024.619	1.013.108	0	479.767	296.611	106.936	105.565	3.026.606	100,7%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
55	Trà Vinh	2.098.550	698.874	685.171	0	14.376	519.707	98.647	94.348	2.111.123	100,6%
56	Vĩnh Long	2.337.120	779.033	765.619	0	290.698	349.957	92.890	88.112	2.366.309	101,2%
57	Đồng Tháp	3.659.806	1.161.088	1.201.523	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.347.982	91,5%
58	Bình Dương	6.422.152	2.633.972	2.196.314	0	163.789	1.304.378	199.855	167.983	6.666.291	103,8%
59	Bình Phước	2.292.174	753.459	723.118	0	221.711	262.527	109.584	100.949	2.171.348	94,7%
60	Kiên Giang	3.790.150	1.238.102	1.176.657	68.972	0	720.303	167.347	159.082	3.530.463	93,1%
61	Cà Mau	2.492.410	819.787	809.044	0	436.097	125.606	112.601	111.924	2.415.059	96,9%
62	Bạc Liêu	1.584.224	568.689	560.861	0	181.136	225.643	88.829	86.211	1.711.369	108,0%
63	Hậu Giang	1.529.630	532.801	514.817	0	254.239	135.810	74.042	71.613	1.583.322	103,5%
Cộng miền Nam		82.169.708	29.394.966	27.749.157	398.209	5.480.516	13.363.247	3.346.133	3.149.081	82.881.309	100,9%

Ghi chú:

- 173.250 liều vắc xin Moderna đợt 134 và 286.518 liều vắc xin Pfizer đợt 135 có Quyết định phân bổ ngày 18/3/2022

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 67.130 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.465.775 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 371.772 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.
- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 09/4/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	80,0%	100,0%	100,0%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	31,1%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	93,3%	96,3%	38,2%	100,0%	98,0%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	99,2%	97,8%	78,5%	99,8%	98,2%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,5%	94,1%	49,0%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	100,0%	100,0%	47,5%	100,0%	97,2%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	79,3%	99,5%	98,7%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	84,9%	100,0%	99,6%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,2%	95,6%	46,8%	100,0%	95,1%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,3%	99,0%	41,0%	100,0%	98,3%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	98,0%	50,9%	100,0%	97,6%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,4%	96,1%	49,7%	99,8%	98,4%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	43,4%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,8%	39,6%	100,0%	100,0%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	100,0%	99,3%	54,8%	100,0%	98,3%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	99,3%	96,8%	88,3%	100,0%	99,5%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	98,0%	93,3%	33,9%	100,0%	99,0%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	93,1%	23,6%	98,8%	97,3%
20	Lai Châu	261.410	52.540	98,4%	94,5%	38,7%	100,0%	92,7%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	99,4%	85,5%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	71,0%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	100,0%	97,9%	47,8%	99,4%	96,5%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,1%	90,2%	34,6%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,8%	42,2%	100,0%	96,2%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	35,5%	100,0%	95,9%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,0%	96,0%	53,2%	100,0%	93,5%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99,5%	94,5%	27,4%	100,0%	94,5%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.786.256	100,0%	100,0%	57,3%	100,0%	98,1%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,6%	97,1%	40,7%	100,0%	96,0%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,6%	92,2%	51,8%	99,2%	92,1%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,5%	45,7%	100,0%	95,7%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,8%	96,8%	74,4%	99,9%	97,8%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	99,9%	97,0%	32,7%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	95,3%	61,7%	99,4%	97,7%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,5%	91,5%	36,0%	96,6%	95,2%
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,5%	92,4%	45,1%	100,0%	95,5%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	100,0%	37,1%	95,2%	90,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
38	Ninh Thuận	409.689	57.230	100,0%	98,7%	43,6%	100,0%	100,0%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,5%	23,4%	100,0%	101,3%
Cộng miền Trung		8.629.332	1.152.519	99,4%	96,2%	43,9%	99,4%	95,8%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,9%	94,9%	33,8%	97,2%	91,8%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	97,0%	31,9%	100,0%	90,9%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,6%	95,1%	22,1%	98,3%	91,0%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,7%	35,1%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	481.800	100,0%	96,2%	28,4%	99,4%	91,7%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	98,0%	62,4%	87,7%	82,5%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,4%	68,7%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	100,0%	27,8%	100,0%	94,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,4%	63,6%	99,0%	99,8%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	78,9%	100,0%	94,0%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,6%	26,4%	100,0%	92,0%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,9%	53,2%	100,0%	97,4%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,7%	97,8%	33,1%	98,0%	91,6%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%
53	An Giang	1.371.622	198.826	100,0%	99,0%	30,1%	100,0%	96,7%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,6%	97,5%	28,5%	100,0%	100,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	74,4%	100,0%	98,0%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,6%	45,5%	100,0%	96,1%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,5%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.066.553	180.024	100,0%	100,0%	63,1%	100,0%	93,3%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,3%	95,3%	34,6%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,9%	60,5%	96,8%	92,0%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	15,4%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	98,0%	39,4%	97,8%	94,9%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,4%	96,0%	25,3%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		27.828.051	3.406.718	100,0%	99,7%	48,0%	100,0%	92,4%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 09/4/2022 đến 16h00 ngày 10/4/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 5.967 lượt người (nhập cảnh: 3.064, xuất cảnh: 2.903).
- + Tuyến VN-TQ: 413 lượt người (nhập cảnh: 162, xuất cảnh: 251).
- + Tuyến VN-Lào: 2.251 lượt người (nhập cảnh 1.061, xuất cảnh: 1.190).
- + Tuyến VN-CPC: 3.303 lượt người (nhập cảnh 1.841; xuất cảnh: 1.462).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 1.816 người trong đó:
- + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 1.673 người (VN-TQ: 80; VN-Lào: 92, VN-CPC: 1.497).
- + Số người nhập cảnh trái phép: 130 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 01, VN-CPC: 129).
- + Số người trao trả: 13 người (VN-TQ: 13; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 05/4/2022 tới ngày 06/4/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 4.737 lượt người (nhập cảnh: 3.170 lượt người; xuất cảnh: 1.567 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 6.785 lượt người (nhập cảnh: 3.706 lượt người; xuất cảnh: 3.079 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 10/4, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 13 tin/bài tiếng Việt; 16 ảnh trong nước và quốc tế; 10 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 03 đồ họa về tình hình dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam.

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 07/4, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.568.000 cuộc gọi (ngày 07/4 đã tiếp nhận và xử lý gần 3 nghìn cuộc gọi).

28/3	29/3	30/3	31/3	01/4	02/4	03/4	04/4	05/4	06/4	07/4
3125	3235	3086	3165	2898	2630	1849	2864	3028	2898	2853

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 07/4/2022 đã tiếp nhận hơn 314 nghìn cuộc (ngày 07/4/2022 đã tiếp nhận 21 cuộc).

Tiêu chí	28/3	29/3	30/3	31/3	01/4	02/4	03/4	04/4	05/4	06/4	07/4
Cuộc gọi đến	29	27	21	16	22	17	12	18	15	13	21

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 43.074.620, chiếm 44,90% dân số, 64,59% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.786.722 điểm đăng ký

+ Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 277.291.691

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 208.244.568

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 195.742.326

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 94%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.711.738

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19; tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương...

- Tuyên truyền nâng cao ý thức người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc giảm.

(2) Công tác phòng, chống dịch tại địa phương:

- **TP. Hà Nội:** Căn cứ vào tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn, UBND thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành, các đơn vị, tổ chức và người dân thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch trong tình hình mới; yêu cầu các sở, ngành, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, người dân thực hiện khuyến cáo 5K của Bộ Y tế (trong đó thực hiện nghiêm việc đeo khẩu trang và khử khuẩn) và các biện pháp phòng, chống dịch của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương; các cơ quan, đơn vị thường xuyên tự đánh giá nguy cơ và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định.

Đáng chú ý, đối với các loại hình kinh doanh dịch vụ như: Karaoke, massage, quán bar, trò chơi điện tử, internet hoạt động trở lại từ 0h ngày 08/4/2022 nhưng phải bảo đảm các điều kiện theo quy định.

- **Sơn La:** Những ngày qua, số ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Sơn La giảm xuống dưới 1.000 ca so với 4.000 - 6.000 mỗi ngày của tháng trước.

Mặc dù số ca mắc mới giảm mạnh, tuy nhiên, tỉnh yêu cầu cấp ủy, chính quyền các cấp tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; đẩy mạnh tuyên truyền người dân không chủ quan lơ là, mất cảnh giác với dịch bệnh.

Về công tác tiêm vắc-xin cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi, giao ngành Giáo dục và Đào tạo khẩn trương phối hợp với ngành Y tế tuyên truyền ý nghĩa, lợi ích của hoạt động tiêm vắc-xin phòng COVID-19 đến phụ huynh, học sinh; đẩy mạnh rà soát, lập danh sách học sinh đủ điều kiện tiêm với mục tiêu “tiêm đến đâu an toàn đến đấy”; chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện ngay khi vắc-xin được phân bổ.

(3) Thông tin khác:

+ Theo Bộ Y tế, dịch bệnh cơ bản được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Từ cuối tháng 12/2021, sau khi ghi nhận ca mắc đầu tiên biến thể Omicron, số mắc cả nước tăng cao nhất trong 3 tuần đầu của tháng 3/2022 do biến thể Omicron đã chiếm chủ đạo về số mắc, sau đó giảm mạnh từ cuối tháng 3 đến nay.

Trong 3 tuần qua, số ca nhiễm, ca nặng và tử vong tại các tỉnh, thành phố có xu hướng giảm từng ngày, trong đó, từ 150.000 ca mắc mới mỗi ngày xuống còn trên dưới 50.000 ca mỗi ngày, số trường hợp mắc tăng nhiều hơn ở nhóm chưa tiêm vắc-xin phòng COVID-19; số ca nặng từ hơn 3.600 ca xuống còn hơn 1.500 ca đang điều trị tại bệnh viện; số tử vong từ hơn 50 ca mỗi ngày xuống còn hơn 30 ca mỗi ngày.

+ Tại buổi điện đàm với Bộ trưởng Bộ Y tế Việt Nam, Giám đốc WHO khu vực Tây Thái Bình Dương đánh giá cao những kết quả Việt Nam đã đạt được trong thực hiện chiến dịch tiêm chủng vắc-xin phòng COVID-19... Giám đốc WHO khu vực Tây Thái Bình Dương cũng bày tỏ ấn tượng với những nỗ lực và thành quả nói chung của Việt Nam trong công tác y tế.

+ Theo yêu cầu của Bộ Y tế, từ ngày 08/4, các cơ sở tiêm chủng vắc-xin phòng COVID-19 bắt đầu thực hiện ký số, từ 15/4, Bộ Y tế sẽ thực hiện ký tập trung để cấp “Hộ chiếu vắc-xin” cho người dân.

Về việc cấp “Hộ chiếu vắc-xin” được người dân quan tâm để phục vụ các nhu cầu đi lại, đặc biệt là ra nước ngoài, Bộ Y tế cho biết, ngày 20/12/2021, Bộ đã ban hành Quyết định số 5772/QĐ-BYT về biểu mẫu và quy trình cấp “Hộ chiếu vắc-xin”.

Ngay sau đó, Bộ Y tế đã phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông cùng với các đơn vị liên quan xây dựng chức năng trên Nền tảng Quản lý tiêm chủng COVID-19 và các hệ thống liên quan phục vụ cho việc ký số và cấp “Hộ chiếu vắc-xin”. Đến nay cơ bản các hệ thống đã hoàn thành, sẵn sàng cho việc cấp “Hộ chiếu vắc-xin” cho người dân trên cả nước.

+ Báo chí thông tin cho biết, dự kiến ngày 09/4, gần 1 triệu liều vắc-xin phòng COVID-19 tiêm cho trẻ từ 5 - dưới 12 tuổi về đến Việt Nam. Theo đó, gần một triệu liều vắc-xin cho trẻ 5-11 tuổi này là do Chính phủ Úc tài trợ. Đây là lô đầu tiên trong số vắc-xin tiêm cho trẻ ở độ tuổi từ 5 - dưới 12 tuổi của Việt Nam. Sau đó vài ngày, công tác tiêm chủng sẽ được triển khai trước tiên cho trẻ khối tuổi lớp 6. Dự kiến lô vắc-xin thứ 2 sẽ về vào ngày 13/4 và lô thứ 3 sẽ về trước ngày 18/4.